TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST
Ngày 31 – 3 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hộ Kinh doanh Trần Văn L. Địa chỉ: Khóm X, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Hộ kinh doanh: Ông Trần Văn L; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Khóm X, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Chung Thị U, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp Tân Long B, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của ông Trần Văn L – Chủ Hộ kinh doanh, thể hiện*:

Ông Huỳnh Văn A và bà Chung Thị U hợp đồng mua bán vật tư, thức ăn nuôi trồng thủy sản của Hộ Kinh doanh Trần Văn L từ ngày 05/10/2013 đến ngày 16/10/2015. Sau khi đối chiếu công nợ thì ông A, bà U còn thiếu lại số tiền 47.308.250 đồng. Do ông A, bà U không trả số tiền trên nên ông L yêu cầu ông

A, bà U trả lại số tiền trên.

** Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông Huỳnh Văn A và bà Chung Thị U, thể hiện*: Ông A, bà U thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả cho ông L số tiền 47.308.250 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Hộ Kinh doanh Trần Văn L do ông Trần Văn L là đại diện khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn A và bà Chung Thị U trả số tiền mua bán vật tư, thức ăn nuôi trồng thủy sản nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông L, ông A và bà U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[3] Quá trình tống đạt, ông A, bà U không đồng ý nhận các văn bản tố tụng với lý do vụ án chưa được hòa giải tại địa phương. Xét thấy, pháp luật quy định ngoài những vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất bắt buộc phải được hòa giải tại cơ sở (Ủy ban nhân dân cấp xã) còn các vụ án khác pháp luật không quy định mà chỉ khuyến khích được hòa giải tại cơ sở. Do vậy, việc ông A, bà U không đồng ý nhận văn bản tố tụng với lý do trên là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Theo ông Trần Văn L: Ông A, bà U hợp đồng mua bán vật tư, thức ăn nuôi trồng thủy sản của Hộ Kinh doanh Trần Văn L từ ngày 05/10/2013 đến ngày 16/10/2015, các bên chấm dứt việc mua bán và đối chiếu công nợ thì ông A, bà U còn thiếu lại số tiền 47.308.250 đồng nên ông A, bà U phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông A, bà U thừa nhận còn thiếu ông L số tiền mua bán là 47.308.250 đồng; đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông A, bà U trả số tiền còn thiếu là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông A, bà U được miễn toàn bộ (thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Điều 26

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L – Đại diện Hộ kinh doanh Trần Văn L. Buộc ông Huỳnh Văn A và bà Chung Thị U trả cho ông L số tiền 47.308.250 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm lẻ tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông L cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông A, bà U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ cho ông A, bà U.

- Ông L không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông L số tiền 1.153.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011787 ngày 04/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chị cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**